

GLOBAL SUCCESS – GRADE 11 – UNIT 9

Choose the best option to complete each of the following sentences

1. She suffered from severe _____ after losing her job.
A. pleasure B. surprise C. comfortable D. depression
2. My parents are very strict, so I can't _____ with my friends after 9p.m.
A. hang out B. take out C. go on D. get out
3. Mary was _____ by her classmates, who posted cruel comments about her on social media.
A. cyberbullied B. accompanied C. supported D. hesitated
4. I experienced _____ from my friends to skip school, and it had a negative impact on my grades.
A. body shaming B. peer pressure C. self-confidence D. social issues
5. We decided to start an awareness campaign to draw attention _____ a pressing social issue.
A. of B. on C. to D. from
6. Thanks to his _____, he won the first prize in the English speaking contest
A. pressure B. self- confidence C. bullying D. pressure

Rewrite the following sentences as directed

1. Though she does a lot of exercise, she hasn't lost any weight.
✎ **In spite of** _____
2. The restaurant has a good reputation, but the food is terrible.
✎ **Although** _____
3. The girl doesn't want to go to school because she is afraid of being bullied. (so)
✎ **The girl is** _____
4. We cancelled the trip because of the bad weather. (because)
✎ _____
5. My friend skips classes frequently. *Therefore,* _____
6. Body shaming is one of major problems among teenagers today. *However,* _____

LỜI GIẢI CHI TIẾT

- D** (dịch nghĩa: Sau khi mất việc làm, cô ấy bị trầm cảm rất nặng)
A. pleasure: hài lòng
B. surprise: ngạc nhiên
C. comfortable : thoải mái
D. depression: trầm cảm, buồn bã
- A** (dịch nghĩa: Ba mẹ của tôi rất khó, vì vậy tôi không thể đi chơi với bạn của tôi sau 9h tối)
A. hang out (đi chơi) B. take out (lấy ra) C. go on (tiếp tục) D. wait for (đợi)
- A** - Mary bị bắt nạt qua mạng xã hội bởi bạn của cô ấy khi bình luận ác ý trên mạng xã hội.
A. cyberbullied (bắt nạt qua mạng xã hội) B. accompanied (đi cùng)
C. supported (ủng hộ) D. hesitated (do dự)
- B** - Tôi đã trải qua áp lực cùng trang lứa khi trốn học và điều đó đã có ảnh hưởng tiêu cực đến kết quả học tập của tôi.
A. body shaming (chê nhạo về ngoại hình) B. peer pressure (áp lực đồng trang lứa)
C. self-confidence (tự tin) D. social issues (vấn đề xã hội)
- C** - draw attention to: thu hút sự chú ý
- B** - Nhờ vào sự tự tin của anh ấy mà anh ấy đã giành được giải nhất trong cuộc thi hùng biện tiếng anh.
A. pressure (áp lực) B. self- confidence(tự tin)
C. bullying (bắt nạt) D. crime (tội phạm)

Rewrite the following sentences as directed

- Though she does a lot of exercise, she hasn't lost any weight. (**In spite of** + N/ V-ing)
~~✗~~ **In spite of** *doing a lot of exercise, she hasn't lost any weight.*
- The restaurant has a good reputation, but the food is terrible. (but: nhưng; although: mặc dù; sử dụng “although” không dùng “but”)

✎ **Although** *the restaurant has a good reputation, the food is terrible.*

3. The girl doesn't want to go to school because she is afraid of being bullied. (so: vì thế)

✎ **The girl is** *afraid of being bullied, so she doesn't want to go to school.*

4. We cancelled the trip because of the bad weather. (because + clause)

✎ *We cancelled the trip because the weather was bad.*

5. My friend skips classes frequently. *Therefore, (học sinh tự viết)* _____

6. Body shaming is one of major problems among teenagers today. *However, (học sinh tự viết)*
